

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thái Thị Đ** – sinh năm 1990

Địa chỉ: Khố HH 1, thị trấn TL, huyện QC, tỉnh NA.

- Bị đơn: Anh **Tìn Nhật P** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà N, Tổ T, Ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa lần

2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC vào ngày 03-11-2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường cãi nhau, bản thân anh P không lo làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ khoảng tháng 10/2018 cho đến nay, anh chị đã không còn chung sống và không còn liên hệ quan tâm, chăm sóc nhau. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Tìn Nhật P.

- Về con chung: Chị và anh P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận, không tranh chấp chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không sắp xếp được thời gian và công việc nên chị Đ yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P, yêu cầu anh P đến Tòa án làm việc nhưng chị vẫn không đến Tòa án. Vì vậy, không có lời khai của anh Tìn Nhật P.

Nguyên đơn đã giao nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu, chứng cứ sau đây: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của nguyên đơn (Bản sao); Trích lục kết hôn (Bản sao); Chứng minh nhân dân của người ủy quyền (bản sao); giấy ủy quyền đề ngày 05-4-2019 (bản sao); Sổ hộ khẩu của bị đơn (bản sao). Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Đơn tường trình; Đơn yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ; Các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của Tòa án nhân dân huyện TP. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; anh P không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đ. Về hôn nhân: Cho chị Đ được ly hôn với anh P. Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Tìn Nhật P có nơi cư trú tại xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh P. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do đó chị Đ là nguyên đơn, anh P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không thu thập được tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến, yêu cầu của bị đơn, không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Chị Đ có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đ và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 74/2015 ngày 03-11-2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, chị đi làm xa nên thỉnh thoảng mới về vì vậy tình cảm vợ chồng xa cách. Từ tháng 10/2018 cho đến nay, anh chị đã không còn chung sống và không còn liên hệ quan tâm, chăm sóc nhau. Bản thân anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện anh P có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị Đ, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình. Thể hiện ở kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 10/7/2019.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị Đ và anh P đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đ được ly hôn với anh P.

- Về nuôi con chung: Chị Đ và anh P không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Đ trình bày chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Chị Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh P không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Đ.
- Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị Đ được ly hôn với anh Tìn Nhật P.
- Về nuôi con chung: Không có nên Tòa án không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày tài sản chung chị và anh P tự thỏa thuận, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Tìn Nhật P không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp.

2. Về án phí: Chị Thái Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 006271 ngày 05-4-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP, tỉnh ĐN được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã TC, số 74/2015 ngày 03/11/2015 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan